

# CHUNG QUANH VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP SÁNG TÁC HIỆN NAY

PHƯƠNG LỰU \*

*Vấn đề phương pháp sáng tác trong văn học nghệ thuật nói chung, cũng như sự tồn tại và phát triển của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa nói riêng đã được giới lý luận văn nghệ luận bàn, tranh cãi trong suốt hơn 20 năm qua vẫn chưa có hồi kết. Đây là vấn đề thật không đơn giản nhưng cũng không thể bỏ qua do vai trò, vị trí quan trọng của nó trong hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, nhất là khi chúng ta đang triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị "Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới". Chúng tôi xin giới thiệu bài viết của GS.TSKH Phương Lưu như một ý kiến gợi mở về vấn đề này.*

HƠN 20 năm qua, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa với tính cách là một phương pháp sáng tác văn học, nghệ thuật hầu như không được nhắc đến trong các văn kiện, tài liệu chính thức của Đảng ta liên quan đến lĩnh vực này. Không thể coi đây là bước lùi, mà trái lại đã tiềm ẩn khả năng của một bước tiến. Bởi vì, sự tiến triển không chỉ là thêm được những điều mới mẻ đúng đắn, mà còn theo nghĩa lựa chọn loại bỏ những sai sót cũ, những gì tuy đúng đắn, phù hợp với điều kiện cũ nhưng trở nên lỗi thời, không phát huy được vai trò trong môi trường xã hội mới. Nhưng dù theo nghĩa nào thì từ những khả năng tiến triển tiềm ẩn ấy trở thành hiện thực trọn vẹn, chỉ khi nào có thể thay thế chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa bằng một phương pháp sáng tác nào khác đúng đắn, thích hợp và toàn diện hơn cho sự phát triển của nền văn học nghệ thuật của chúng ta. Nhiệm vụ này ít ra là của giới lý luận văn học mà theo thiên ý, gồm ba vấn đề sau đây:

## I - Sự cần kíp của khái niệm *Phương pháp sáng tác*

Có ý kiến cho rằng, khái niệm *phương pháp sáng tác* là do giới lý luận văn học Xô-viết bày đặt ra để làm bệ đỡ cho chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Bây giờ ta không sử dụng nó nữa, sao còn tiếc cái bệ đỡ đó làm gì, cứ vứt luôn để khỏi phải tìm tòi một phương pháp sáng tác nào khác nữa! Đây là ý kiến sai lầm, vì thuật ngữ *phương pháp sáng tác* đã xuất hiện từ đầu thế kỷ XIX, chẳng hạn Gớt cho rằng bản thân khác với Shin-le là từ phương pháp sáng tác<sup>(1)</sup>. Thật ra, đây chẳng qua là những "chủ nghĩa"(isme) trong văn học, còn chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực v.v. là những phương pháp sáng tác cụ thể. Khi Đảng ta bước lên vũ đài chính trị, thì nền văn học Việt Nam đã trải qua chủ nghĩa lãng

\* GS. TSKH, Đại học Sư phạm Hà Nội

(1) Xem: Phương Lưu: *Tiến trình văn học*, Nxb Sư phạm, Hà Nội, 2005, tr 75

mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tượng trưng và chủ nghĩa siêu thực cũng đã chớm nở. Nhưng *Đề cương văn hóa* (năm 1943) lại chủ trương: "Tranh đấu về tông phái văn nghệ (chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng.v.v..) làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng". Cho nên, chẳng lẽ vốn nói phải thế này, chứ không phải thế kia, song bây giờ lại như nói không cần phải cái gì cả thì sao đặng? Song, nghiêm trọng hơn là không thể nào có trạng thái chân không tuyệt đối được. Không theo phương pháp sáng tác này, thì ít hẵn là ít nhiều đã bước sang phương pháp sáng tác khác mà không hay biết; không "isme" này thì liền được lấp khoảng trống bằng một "isme" khác. Không thừa nhận chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, thì R.Ga-rô-đi không những chủ trương "*chủ nghĩa hiện thực vô bờ bến*", mà còn đề xướng "*chủ nghĩa hiện thực phát minh*" (réalisme dinvention) hoặc "*chủ nghĩa hiện thực khái niệm*" (réalisme conceptionnel). L.Lô-kác-tơ (L. Lokarte) ca ngợi sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp là "*chủ nghĩa hậu hiện đại*". Một số nhà văn trẻ của ta nói, họ đang sáng tác theo "*chủ nghĩa hiện sinh*" v.v.. Đến đây đã quá đủ để lưu ý rằng, chúng ta đang sống trong thời buổi mở cửa, giao lưu, hội nhập, toàn cầu hóa, thì thế tất "chủ nghĩa hiện đại" và "chủ nghĩa hậu hiện đại" sẽ tràn ngập vào văn hóa văn nghệ nước ta. Hiển nhiên là không nên mà cũng không thể cản lại như điều kiện trước đây. Nhưng cứ giả dụ là có tiếp thu toàn bộ, thì cũng phải có tư thế chứ, phải có cái chính danh tương ứng để đón khách chứ! Khách là "*hiện đại*" và "*hậu hiện đại*", còn ta thì chủ nghĩa gì trong văn học? Có thể có sự trả lời tấp lự rằng chúng ta luôn luôn quán triệt vào hoạt động văn học (sáng tác, nghiên cứu, phê bình) chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tất nhiên, quý hồ thực sự làm được như thế. Tuy vậy, điều đó đã đành là đúng, nhưng chưa đủ. Bởi vì, từ tư tưởng đến văn học, chẳng hạn về sáng tác, phải qua một "trung giới" là những nguyên tắc tư tưởng - nghệ thuật. Nếu không thì sẽ có nguy cơ đồng nhất thế giới quan và sáng tác, tái phạm lại sai lầm của cái gọi là *phương pháp sáng tác duy*

*vật biện chứng* của Hội Nhà văn vô sản Nga. Phương pháp sáng tác đích thực, do đó, không phải là nguyên tắc tư tưởng hoặc nghệ thuật thuần túy, mà phải là sự tích hợp cơ bản giữa hai mặt đó. Nói một cách then chốt nhất, thì nó cũng phải bao hàm hai phương diện gắn bó không tách rời nhau. Đó là những quan niệm về hiện thực và con người cùng một hệ thống thi pháp cơ bản tương ứng nhằm thể hiện một cách nghệ thuật con người và cuộc sống trong những quan niệm đó. Với nội dung khái niệm là những nguyên tắc tư tưởng - nghệ thuật, thì phương pháp sáng tác chỉ là hình thức thuật ngữ, do đó có thể thay đổi thành nguyên tắc sáng tác, khuynh hướng nghệ thuật v.v.. Thậm chí, có ý kiến cho đó là ngọn cờ. Nhưng cho dù là cờ thì hình dáng thế nào, màu sắc gì, bố cục ra sao, nghĩa là cũng phải được tiêu chí hóa như đối với phương pháp sáng tác vậy. Nghĩa là cũng không thoát khỏi những vấn đề như quan niệm về cuộc sống và con người cùng hệ thống thi pháp tương ứng nói trên.

Phương pháp sáng tác không phải là tất cả, nhưng ý nghĩa then chốt của nó là như vậy. Chúng ta thường nói chung chung rằng, lý luận chúng ta yếu vì không theo kịp tình hình. Vậy thì nhân đây phải nêu một điểm cụ thể là đã hơn 20 năm qua, sau khi không tiếp tục sử dụng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa nữa, thì chúng ta bó tay, không biết thay thế bằng phương pháp sáng tác nào, thậm chí dường như không hề nghĩ đến vấn đề này. Thiếu đi một khái niệm về nguyên tắc tư tưởng - nghệ thuật không những là thiếu đi một ngọn cờ sinh động có ý nghĩa tập trung và tập hợp trong sáng tác, mà ít nhiều cũng mang lại sự lúng túng trong nghiên cứu, phê bình, giới thiệu, giao lưu văn học, nghệ thuật v.v.. Tất nhiên, điều này không dễ, vì một việc làm tiên quyết để việc "Đổi" cho thật sự ra cái "Mới", thì phải biết rõ "Cái cũ bị thay đổi" thế nào, nhược điểm, hạn chế của nó ra làm sao. Phải vạch rõ những sai lầm về lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa để trong việc tìm tòi một phương pháp sáng tác thay thế, mặc dù rất khó khăn, nhưng dứt khoát cần phải tránh cho được những sai lầm đó.

## II - Sai lầm cơ bản của lý luận hiện thực xã hội chủ nghĩa

Trước hết, thiết tưởng cũng nên nhắc lại tính chất "hợp lý lịch sử" của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa cùng những thành tựu sinh thành từ đó. Chúng ta thử hình dung sau Cách mạng Tháng Mười gần hai thập kỷ, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa mới chính thức ra đời. Điều đó chứng tỏ, đây không thể nói một chiều là kết quả của sự áp đặt vội vã, mà chủ yếu là có sự tìm tòi lâu dài của văn giới cùng ít nhiều là sự thận trọng, cân nhắc của giới lãnh đạo chính trị và văn hóa. Đặc biệt là sự đấu tranh dai dẳng đối với những khuynh hướng cực tả của phái Prô-le-kun (Văn hóa vô sản) và Hội Nhà văn vô sản Nga lũng đoạn văn giới đương thời. Muốn chứng minh tính "hợp lý lịch sử" của một hiện tượng, một khuynh hướng thì phải chỉ ra tính bất hợp lý của khuynh hướng trước đó mà nó thay thế. Quả vậy, đó chính là *phương pháp sáng tác duy vật biện chứng* của Hội Nhà văn vô sản Nga đã đồng nhất giữa thế giới quan và sáng tác, giữa triết học và nghệ thuật. Thử tưởng tượng, một loại phương pháp sáng tác "sặc mùi" xã hội học dung tục như thế này vẫn chễm chệ mãi trên văn đàn Xô-viết thì sự thế sẽ ra sao? Nhưng lật đổ được nó, văn học Xô-viết đã vạch ra được một con đường khác, và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành được sứ mệnh lịch sử về vang lúc bấy giờ, góp phần quan trọng làm nên những thành tựu không thể xóa nhòa trong sáng tác văn học. Khách quan mà nói, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa quả đã có nhiều đóng góp cho văn học thế kỷ XX cả trong và ngoài biên giới Liên-xô: M.Goóc-ky với *Người mẹ*, Mai-a-kốp-xky với *Trường ca Lê-nin*, M.Sô-lô-khốp với *Sông Đông êm đềm*, A. Sờ-gơ với *Những người chết còn trẻ mãi*, L.A-ra-gon với *Những người cộng sản v.v.* Tất nhiên không phải chỉ có thế! Sau chiến tranh và trước cải tổ, ở Liên-xô vẫn xuất hiện những nhà văn và tác phẩm ưu tú: Bu-kốp, Rát-xpu-tin, Bôn-đa-rép, Vam-pi-lốp, Xúc-xin, Ai-ma-tốp, Đum-bát-ze với những tác phẩm *Thao thức*, *Lựa chọn*, *Núi đồi và thảo nguyên*, *Quy luật của muôn đời*,

Và ngày dài hơn thế kỷ v.v.. Nhiều tác phẩm ưu tú trong ba mươi năm chiến tranh ở ta về cơ bản cũng được sáng tác theo phương pháp này. Nhưng cái nhược điểm chí mạng của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa nằm ngay ở về sau của nó. Nội hàm của "*xã hội chủ nghĩa*" ở đây không phải chỉ là một loại lý tưởng tốt đẹp, một mô hình xã hội ưu việt đang hướng tới, mà còn là chế độ Xô viết, nơi sinh thành ra phương pháp sáng tác này, một chế độ ngày càng tỏ ra mâu thuẫn với lý tưởng ban đầu, và cuối cùng phải dẫn đến tan rã không phải là ngẫu nhiên. Mặt trái của mô hình này không thể không khúc xạ trong lĩnh vực đời sống tinh thần. Những giá trị quyết định của chế độ xã hội như sự thống nhất trên cơ sở đa dạng, tinh thần dân chủ đích thực v.v.. đã không được tôn trọng dẫn tới bị vi phạm, gây tác hại đối với văn học, nghệ thuật. Muốn làm sáng tỏ một cách tường tận điều này trong tiến trình văn học Xô-viết đòi hỏi quy mô của một chuyên khảo. Ở đây, tôi chỉ tập trung mổ xẻ cái tế bào gốc của nó là định nghĩa về "*chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa*" trong Điều lệ Hội Nhà văn Liên-xô: "Với tư cách là phương pháp cơ bản của sáng tác và phương pháp phê bình của văn học Xô-viết, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa yêu cầu văn nghệ sĩ mô tả hiện thực một cách chân thực, lịch sử - cụ thể trong quá trình phát triển cách mạng của nó. Đồng thời, tính chân thực và lịch sử - cụ thể của sự miêu tả nghệ thuật phải kết hợp với nhiệm vụ cải tạo và giáo dục tư tưởng nhân dân lao động theo tinh thần xã hội chủ nghĩa". Quả là một định nghĩa về phương pháp sáng tác văn học, rất khác xa với cái gọi là *phương pháp sáng tác duy vật biện chứng*. Ban đầu thấy như rất hợp lý, nhưng dần dần sao người ta cứ thấy gò bó, tìm cách bứt phá ra. Qua một quá trình trải nghiệm, phát hiện dần dần, bây giờ nhìn tổng hợp lại thấy rõ trong định nghĩa này, có thể là không ý thức, nhưng đã tiềm ẩn sự đơn giản hóa, độc tôn hóa, dẫn đến những gò ép, cào bằng, chí ít là sự nhập nhằng giữa những lĩnh vực hoặc cấp độ khác nhau. Theo tôi, có thể khái quát thành 5 điểm liên đới không tách rời nhau nhưng theo trình tự từ vĩ mô đến vi mô như sau:

1) *Nhập nhằng giữa nghệ thuật và tuyên truyền giáo dục qua câu sau đây trong định nghĩa: "Đồng thời, tính chân thực và lịch sử cụ thể của sự miêu tả nghệ thuật phải kết hợp nhiệm vụ cái tạo và giáo dục tư tưởng..."*. Tại sao lại "đồng thời kết hợp"? Bản thân nghệ thuật có khuynh hướng tư tưởng, nghĩa là có ý nghĩa tuyên truyền giáo dục, nhưng tất cả điều đó, nói như Ăng-ghe-nh, là "Bản thân khuynh hướng phải toát ra từ tình thế và hành động" (*Thư gửi cho M. Cau-xky*). Nói phải kết hợp, tất nhiên là với những sự vật không đối lập, tuy vậy là những thứ vốn nằm bên ngoài mình rồi. Sai lầm này mãi đến 20 năm sau (năm 1954) trong Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà văn Liên-xô mới được giải trừ (tước bỏ câu nói trên trong định nghĩa). Nhưng muộn còn hơn là không như một số điểm khác tiếp theo sau đây.

2) *Cào bằng giữa văn học với các bộ môn nghệ thuật khác*. Định nghĩa nói trên chỉ là về phương pháp sáng tác trong văn học. Thế nhưng, không biết thế nào dần dần lại được xem như phương pháp sáng tác của toàn bộ nền nghệ thuật Xô-viết, nào là âm nhạc hiện thực xã hội chủ nghĩa, hội họa hiện thực xã hội chủ nghĩa v.v.. Văn học là một bộ môn nghệ thuật, tất nhiên có những yêu cầu về phẩm chất tương đồng với các bộ môn nghệ thuật khác như tính chân thật chẳng hạn, hiển nhiên không phải chỉ chân thật với hiện thực khách quan, mà còn chân thật với tâm trạng chủ quan. Nhưng với tư cách là nghệ thuật của ngôn từ, văn học còn có những yêu cầu về phẩm chất đặc thù. Thậm chí, tình hình còn phức tạp ở chỗ, có những đặc trưng của văn học có thể tương đồng với một loại hình nghệ thuật nào đó, nhưng lại không phù hợp với loại hình nghệ thuật thứ ba. Chẳng hạn âm nhạc là nghệ thuật "biểu hiện" thì làm sao mà "mô tả hiện thực" được? Còn hội họa là nghệ thuật "tĩnh" thì làm sao mà "mô tả hiện thực trong quá trình phát triển" được?

3) Bây giờ mới nói đến riêng trong phạm vi văn học. Trước hết, định nghĩa nói trên đã *cào bằng giữa sáng tác và (nghiên cứu) phê bình* qua lời khẳng định chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là "phương pháp cơ bản của (sáng tác)

văn học và phê bình văn học Liên xô"? Thật ra, trừ một vài phong cách cá biệt, còn nói chung, phê bình phải là khoa học. Vậy thì làm gì có một phương pháp cơ bản chung cho cả khoa học và nghệ thuật? Còn như khi đánh giá một tác phẩm, nhà phê bình có thể vận dụng định nghĩa với những yêu cầu xác định về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa thì đó là tiêu chuẩn, chứ không phải phương pháp trong phê bình. Rất tiếc rằng ở ta, từ nhiều đồng chí làm công tác quản lý đến các nhà phê bình chuyên nghiệp trong suốt nhiều thập kỷ cứ lặp lại sai lầm này.

4) Nếu ở trên có tình trạng *cào bằng* giữa các loại hình nghệ thuật, thì riêng trong phạm vi văn học cũng có tình trạng *đó giữa các thể loại với nhau*. Chẳng hạn, thơ trữ tình rất gần gũi với nhạc họa, thì làm sao mà "mô tả hiện thực"... trong quá trình phát triển" được? Điều này chỉ khả thi trong thể loại tự sự hoặc kịch ít nhiều cũng có tính chất tự sự mà thôi. Chả trách trước đây đã từng có ý kiến cho rằng *Từ ấy* và *Nhật ký trong tù* chưa phải là hiện thực xã hội chủ nghĩa, mới chỉ có yếu tố mà thôi. Và những yếu tố ấy cũng chỉ đành phải được chứng minh qua những bài thơ có ít nhiều có tính chất tự sự như *Con cá chột nua*, *Bà má Hậu Giang*, hoặc những bài ít nhiều mang tình thế xung đột và "có chuyển biến đi lên" như *Nhóm lửa*, *Học đánh cờ v.v..* Cho hay, cái định nghĩa vốn có về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa khó mà dung nạp, chẳng qua cố gượng ép vào thơ trữ tình.

5) Cuối cùng về phương thức, biện pháp nghệ thuật cũng có biểu hiện độc tôn, nhất loạt hóa vì không những yêu cầu "mô tả hiện thực một cách chân thực" mà còn phải "lịch sử - cụ thể", có nghĩa là bức tranh mô tả ra, tất nhiên không đồng nhất, nhưng phải đồng dạng với bản thân cuộc sống, phải rất cụ thể như đã từng xảy ra trong lịch sử, nói nôm na là phải dùng biện pháp tả thực. Điều này hiển nhiên không có gì sai trái, không những chỉ đúng cho một vài phong cách mà cho cả một loại hình phong cách. Nhưng đặt nó lên cấp độ phương pháp, nghĩa là bắt mọi nhà văn đều phải tuân theo thì trái lý. Bởi vì, nếu có hàng trăm cách nói đối, thì cũng có hàng ngàn cách nói thực. Nghệ thuật kỳ diệu ở chỗ có khi

ói có vẻ vu vơ đầu đầu, nhưng là trúng khuỷp  
 ự việc và con người từng tồn tại trong thực tế.  
 ác nhà văn Xô-viết càng ngày về sau càng trăn  
 ở thoát khỏi ràng buộc nói trên. Chẳng hạn,  
 trong sáng tác của Ai-ma-tốp đã sử dụng nhiều  
 iện pháp nghệ thuật thần thoại, truyền thuyết,  
 o giác, hồi ức, thời gian phi tuyến tính, hoang  
 ờng vũ trụ v.v.. Và kết tinh về mặt này, chính  
 à lý thuyết về "hệ thống mở" của D. Mác-cốp,  
 ho dù đã quá muộn.

Cái định nghĩa vốn mang tính chất "kinh  
 iển", nhưng dần dần mới phát hiện ra thực tế là  
 hư vậy. Cho nên càng thấm thía rằng, nếu trong  
 uộc đời thực đã "sai một ly đi một dặm" rồi,  
 uống chi trong nghệ thuật vốn là một lĩnh vực  
 áng tạo tinh thần cực kỳ tinh vi, thì chỉ cần sai  
 một ly, một ly thôi, đã trượt xa hàng ngàn vạn  
 dặm như chơi. Bởi vậy, trong việc tìm tòi một  
 hương pháp sáng tác thay thế mà chắc chắn sẽ  
 ô cùng khó khăn, gian khổ, mặc dù có mặt nào  
 ó còn kế thừa, nhưng phải cố hết sức tránh  
 hững sai lầm này của lý luận hiện thực xã hội  
 hủ nghĩa.

### III - Một số hình dung bước đầu về phương pháp sáng tác thay thế

Hẳn đây là công việc lâu dài, gian khổ của  
 một tập thể đội ngũ nhưng cũng phải có người  
 nghiên cứu, tổng kết, nói trước, tất nhiên là phải  
 nhận trọng nghiêm chỉnh thử đề xuất, cho dù có  
 sai, thì vẫn có tác dụng góp phần kích thích làm  
 nảy sinh những cái đúng đắn hơn, rồi dần dần đi  
 đến được, nếu chưa phải là chân lý, thì cũng là  
 hợp lý. Sự ra đời của chủ nghĩa hiện thực xã hội  
 hủ nghĩa, vốn cũng là một quá trình tiến dần  
 đến chỗ hợp lý như vậy. Trước đó đã có hàng loạt  
 khái niệm được đề xuất: *chủ nghĩa hiện thực vô  
 án* của Li-ben-đen-xky, *chủ nghĩa hiện thực  
 động sản* của Grôm-xky, *chủ nghĩa hiện thực  
 hoành tráng* của A.Tôn-xtôi, *chủ nghĩa hiện  
 thực khuynh hướng* của Mai-a-kốp-xky v.v..

Chúng ta cũng cần nhớ rằng, *chủ nghĩa hiện  
 thực xã hội chủ nghĩa* vốn đã trở thành một hiện  
 tượng quốc tế, bây giờ muốn tìm một phương  
 pháp sáng tác để hoàn toàn có thể thay thế nó  
 không thể là vấn đề, dù chỉ là vấn đề văn học,

của một quốc gia. Nhưng điều đó cũng hoàn  
 toàn không có nghĩa là cứ ngồi chờ quyết định  
 của một Hội nghị quốc tế nào đó. Mỗi đất nước  
 phải ra sức tìm tòi ra giải pháp quý hồ là tương  
 thích với bản địa, ắt rồi sẽ có phần đóng góp cho  
 hoàn cầu sau. Mỗi quan hệ giữa dân tộc và quốc  
 tế trên vấn đề này cũng dường như có cái gì đồng  
 dạng với mỗi quan hệ giữa sự tìm tòi của từng  
 cá nhân với việc hình thành phương pháp sáng  
 tác chung cho nền văn học của cả đất nước vậy.  
 Nếu điều này là đúng thì có thể nói thêm ngay  
 rằng, bất kỳ giải pháp gì quan trọng cho xã hội  
 và văn hóa Việt Nam ngày nay đều không thể  
 thoát ly tư tưởng Hồ Chí Minh không những thể  
 hiện ở "ngôn" mà không kém phần quan trọng là  
 còn ở "hành". Mà "hành" trong văn học thì lại  
 chính là những tác phẩm thơ, văn vô cùng phong  
 phú và độc đáo của Người. Hiển nhiên không  
 phải mọi cái đều bày sẵn, phải phát huy, sáng tạo  
 thêm, nhưng quả là từ đây có thể rút ra nhiều  
 khía cạnh khá trực tiếp và dồi dào về phương  
 pháp sáng tác từ quan niệm về hiện thực đến hệ  
 thống thi pháp tương ứng như:

1) *Quan niệm về hiện thực và con người*: Với  
 nghệ sĩ chân chính thì quan niệm về hiện thực và  
 con người trước hết và khi nào cũng phải bám  
 sát vào thực tế, đồng thời làm sao thay đổi được  
 thực tế đó theo hướng hợp lý và cao đẹp hơn.  
 Khi mới dựng nước chắc chắn là Bác Hồ có vai  
 trò quyết định trong việc hình thành quốc hiệu  
*Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Nhưng có một  
 điều đặc biệt mà nếu tôi không nhầm, cho dù  
 không phải duy nhất, thì cũng hy hữu là quốc  
 hiệu chúng ta còn có thêm một vẻ xin tạm gọi là  
 "tiêu ngữ": *Độc lập Tự do Hạnh phúc*. Chúng ta  
 đã biết rõ một mô thức trong tư duy Hồ Chí  
 Minh là "đĩ bất biến ứng vạn biến". Vậy cái "bất  
 biến" ở đây là gì? Đó là *Độc lập Tự do Hạnh  
 phúc!* Quả vậy, sau này chúng ta đổi quốc hiệu  
 thành *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*,  
 nhưng vẫn phải giữ nguyên cái "tiêu ngữ" đó.  
 Điều này lại càng chúng tỏ, với Hồ Chí Minh,  
 cũng như với Đảng ta được vũ trang bởi tư tưởng  
 của Người, thì làm cách mạng dân tộc dân chủ  
 hay tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa,  
 chẳng qua cũng chỉ là những giai đoạn, những  
 phương pháp, những chiến lược để dẫn đến cái

mục tiêu nhất quán là *Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc*. Tất nhiên, những phương diện này diễn biến trên những nấc thang khác nhau, song chiều kích được mở ra của chúng là vô cùng vô tận. *Hạnh phúc* thì vô cùng rồi. Còn *Độc lập* thì chỉ cần ngẫm ngợi một chút cũng thấy ngay là vô tận. Và miễn là đừng "vô chính phủ mà thực chất là rất hạn hẹp bé tắc, thì tự do cũng là vô cùng, vô tận trên hành trình "tự do phát triển của mỗi người là điều kiện cho sự tự do phát triển của tất cả mọi người" (*Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*). Và trước mắt với mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" thì thật ra cũng không nằm ngoài cái nghĩa: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Cho hay, "lấy dân làm gốc" (*dĩ dân vi bản* hay gọn hơn là *dân bản*) không nên hiểu hẹp là chỉ có phương diện dân sinh hạnh phúc, mà trên cơ sở dân tộc độc lập, còn phải có dân quyền tự do nữa!

Trở lên chỉ là quan niệm về hiện thực trên bình diện "xây". Nhưng chính vì "xây" những điều công bằng, tốt đẹp hơn cho nên cần phải chống những cái ngược lại. Ngay từ thời đầu dựng nước, gần như đồng thời với việc nêu ra mục tiêu "Độc lập, Tự do, Hạnh phúc" nói trên, Hồ Chí Minh đã hiệu triệu toàn dân phải ra sức chống ba loại giặc: giặc ngoại xâm, giặc đói, giặc dốt. Cách tư duy về "xây" phải đi liền với "chống" này, nếu vận dụng vào phương pháp sáng tác mới thì không thể đặt vấn đề một cách siêu hình, đại khái như chủ yếu là ca ngợi hay phê phán? Với mục đích là "xây" thì cái gì thuận với "xây" tất nhiên phải ca ngợi rồi. Nhưng những cái ngược lại thì dứt khoát phải "chống" rồi. Như thế hoàn toàn có thể có một tỉ lệ những nhà văn, tác phẩm chuyên viết về chống tiêu cực.

Đối tượng, nội dung mà Bác Hồ nêu cần phải chống là rất rõ ràng, súc tích, nhưng đầy đủ và nhất quán. Trải qua mấy thập kỷ cách mạng và kháng chiến, xuất hiện không biết bao nhiêu việc phải giải quyết, nhưng chủ yếu đều xoay quanh những điều then chốt đó. Ngày nay, tuy chưa hoàn thành hẳn, song về cơ bản chúng ta đã diệt được giặc đói và giặc ngoại xâm. Nhưng đáng buồn thay lại nổi lên "giặc tham". Tham

những đã trở thành "quốc nạn" dẫn đến nguy cơ đe dọa sự ổn định của chế độ. Có ý kiến gọi đó là một thứ giặc "nội xâm" vô cùng tàn bạo, không những hạn chế thành quả của công cuộc diệt giặc đói, giặc ngoại xâm mà còn lạng lẽ chuyên hóa "giặc dốt" thành "giặc ngu". Dốt chủ yếu vì ngoại nhân do, không có điều kiện học hành. Ngu chủ yếu vì nội nhân, thôi thì học đủ thứ, lăm bằng cấp, nhiều danh vị, nhưng vì "tham quá hóa ngu!". Nhưng đúng như Mác đã cảnh báo: "Ngu xuẩn, đó là cái sức mạnh quý báu và chúng tôi e sợ rằng nó sẽ còn là nguyên nhân của nhiều bi kịch" (*Xã luận Nhật báo Cologne*, số 179).

Nhưng "Văn học là nhân học", cho nên quan niệm về con người trong phương pháp sáng tác của văn học phải là những nhân vật đóng vai trò chính diện trong hiện thực theo quan niệm nói trên. Có nghĩa, miễn là có đóng góp tích cực cho sự nghiệp "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" thì không cứ công, nông, binh hoặc trí thức cách mạng, mà bất cứ ai cũng có thể trở thành loại nhân vật trung tâm chính diện trong văn học nghệ thuật. Văn học chớ để lạc hậu với hiện thực trong việc vinh danh thành "Sao vàng đất Việt" những doanh nhân và Việt kiều tiêu biểu. Hiển nhiên, loại nhân vật trung tâm chính diện không phải là duy nhất, mà phương pháp sáng tác mới phải giành vị trí cho mọi loại người, kể cả loại giặc "nội xâm" với tính chất đối lập cần được phủ định kia. Nhưng ngay ở đây, loại nhân vật trung tâm chính diện thể hiện quan niệm xã hội - thẩm mỹ của nhà văn vẫn phát huy tác dụng của nó - tuy có thể vắng bóng trên trang giấy, nhưng vẫn thường trực trong tâm hồn nhà văn, tạo ra được những chỗ đứng và tầm nhìn sinh động, giúp tác giả cảm nhận và phẩm bình đối với các loại nhân vật khác.

Tất nhiên, trở lên mới chỉ xét vấn đề con người chủ yếu trên bình diện chính trị xã hội, tuy rất cơ bản, nhưng không thể là duy nhất. Xưa kia Lão Tử đã từng nói: "Nhân thân, tiểu vũ trụ". Về sau ở phương Tây như Ra-bơ-le cũng nói gần y như thế, cho rằng con người là "vũ trụ thu gọn" (microcosme). Muốn hiểu đúng cái vũ trụ nhỏ hoặc thu gọn này, dứt khoát phải tiếp cận nó từ

nhiều bình diện, đúng như Lê-nin đã nói: "Người ta không bao giờ có thể nhận thức được cái cụ thể một cách hoàn toàn. Một tổng số vô hạn những khái niệm chung, những quy luật v.v.. mới đem lại cái cụ thể trong tính toàn thể của nó" (*Bút ký triết học*). Cho nên, muốn miêu tả chân thật bất kỳ loại nhân vật nào còn phải triển khai thêm trên bình diện khác nữa, mà trước hết không thể bỏ qua khía cạnh sinh vật của con người. Lâu nay chúng ta chỉ quen trích dẫn ý kiến của Mác trong *Luận cương Phoi-ơ-bách* để cho rằng con người chỉ là "tổng hòa những mối quan hệ xã hội", thật ra không phải chỉ có thế. Khẳng định "Tính dục là lực lượng bản chất của con người trong việc theo đuổi một cách mãnh liệt đối tượng của mình", Mác viết: "Quan hệ nam nữ là quan hệ trực tiếp, tự nhiên và tất yếu giữa người và người. Trong quan hệ tự nhiên này, mối quan hệ giữa người với tự nhiên bao hàm trực tiếp quan hệ giữa người với người và quan hệ giữa người với người cũng trực tiếp bao hàm quan hệ giữa người với giới tự nhiên, tức là sự quy định tự nhiên đối với bản thân nó" (*Bản thảo kinh tế - triết học 1844*). Như thế, có thể rút ra từ quan niệm của Mác con người vừa là một sinh vật xã hội, vừa là sinh vật tự nhiên. Nếu "duy nhất hóa" một trong hai, thì sẽ có nguy cơ xuyên tạc hoặc làm méo mó con người. Thật ra, dù là khía cạnh xã hội hay tự nhiên, cũng còn phải tiếp tục cụ thể hóa thêm nữa, mới có thể nhận thức và mô tả con người một cách thật sự toàn diện và sống động. Có thể kể đến bình diện tinh thần - luân lý (những cá tính đạo đức trong những quan hệ giữa người với người vô cùng phức tạp), bình diện triết học - lịch sử (con người với truyền thống văn hóa, với lịch sử, với quá khứ, hiện tại tương lai), bình diện tâm linh - siêu hình (niềm tin tôn giáo, con người với vô thức và trực giác), bình diện triết học - sinh thái (con người với thiên nhiên, môi trường) v.v.. Được triển khai thêm nhiều khía cạnh và bình diện như vậy, không phải là nhằm đưa con người ra khỏi xã hội với những vấn đề chính trị có khi rất nóng bỏng trong lịch sử, mà chính là để hiểu nó toàn diện hơn, và từ đó lý giải khía cạnh xã hội chính trị cho đích thực và hiệu quả hơn.

2) *Về phương diện thi pháp*: Thi pháp bao hàm một nội dung cực kỳ phong phú trên nhiều bình diện và cấp độ, ở đây chỉ tập trung nói theo tinh thần đối sánh với lối gò ép, nhất loạt hóa nói trên trong định nghĩa về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa mà thôi. Có thể thấy, hiện thực và con người được quan niệm tuy khá tập trung, nhưng lại rất phong phú và có nhiều khía cạnh rất không đơn giản như trên thì tương ứng với nó, hệ thống thi pháp không thể đơn điệu mà phải muôn màu muôn vẻ. Kể cả việc "Mô tả cuộc sống một cách lịch sử - cụ thể và trong quá trình phát triển cách mạng..." vẫn có chỗ đứng của mình, chỉ có điều không được choán hết mọi chỗ mà thôi. Tất cả điều này có thể chứng minh bằng "tư tưởng Hồ Chí Minh trong hành động" ở lĩnh vực này, tức là từ thực tiễn sáng tác văn thơ của Người. Thơ văn Hồ Chí Minh dồi dào tính chân thật và giàu chất lãng mạn cách mạng, điều đó bất tất phải dài lời. Và cũng có nhiều trường hợp đạt đến chỗ lịch sử - cụ thể, nghĩa là đã tả thực theo dạng thái của bản thân cuộc sống. Một số tác phẩm đầu những năm 20 thế kỷ XX như *Vi hành, Những trò lơ hay là Waren và Phan Bội Châu, Con rùa, Đoàn kết giai cấp v.v..*, dù là truyện hay ký, hư cấu hay người thật việc thật, cũng đều được khái quát chủ yếu trong dạng thái của bản thân cuộc sống. Ngay nhiều bài thơ trong *Ngục trung nhật ký* đầu những năm 40, mặc dù với đặc trưng và khuôn khổ của thơ tứ tuyệt, tác giả vẫn tái hiện vào đây những cảnh đời thật cụ thể: *Nhà lao Quả đức, Đông chính, Điền đông, Tiên công, Chia nước, Sinh hoạt trong tù v.v..* Nhưng vấn đề là trong thơ văn của Người còn tồn tại dồi dào các phương thức khái quát "phi hiện thực" như lãng mạn kỳ ảo (*Lời than vãn của bà Trưng Trắc*), viễn tưởng (*Con người biết mùi hương khói, Giấc ngủ mười năm*), giả tưởng (*Nhật ký chìm tàu*), tượng trưng (*Con rồng tre*). Rất nhiều bài thơ của Người cũng giàu chất tượng trưng. Và chính vì không chỉ tả thực như thế, cho nên không phải lúc nào cũng tái hiện tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình theo nghĩa thông thường. Có khi chỉ là một hình ảnh lý tưởng như cụ Kimengô, hoặc hình ảnh có tính chất loại hình không giàu màu sắc cá tính như Pôn, Dô, Râu, có khi là hình

ảnh đơn nhất và tĩnh tại như Nông Văn Minh v.v.. Chất lãng mạn cách mạng có khi cũng chỉ thiên về mặt bộc lộ cảm hứng của chủ thể, chứ không phải là phản ảnh cuộc sống trong quá trình cách mạng một cách lịch sử cụ thể. Tóm lại, sáng tác của Hồ Chí Minh mặc dù đều tập trung hướng về cái "ham muốn tốt bậc" của Người mà ai cũng biết, nhưng lại với một hệ thống thi pháp vô cùng đa dạng, hầu như không hề chịu bất cứ sự ràng buộc nào.

Thật ra, những điều nói trên, nếu xét từng mặt, không có gì xa lạ với mọi người. Nhưng vấn đề là ở chỗ phải tập hợp và gắn kết chúng lại theo yêu cầu của những nguyên tắc tư tưởng - nghệ thuật mà thôi. Còn chuyện cô kết nó lại trong một thuật ngữ thì mấy năm về trước tôi cũng đã đề xuất *Chủ nghĩa chân thực cách mạng* (2) và đã không quên bày tỏ rằng đây chẳng qua làm cái việc "bào trang dẫn ngọc" (chỉ góp riêng được gạch ngói, nhưng mong có được vàng ngọc chung). Đây là một tâm niệm trung thực vì chính tôi cũng không hề cho đó là chân lý cuối cùng, mà mấy năm qua vẫn phải tiếp tục nghiền ngẫm thêm, kết quả là đến nay có cái vẫn giữ, có cái thấy nên thay đổi. Nhưng dù giữ hay đổi đều không phải tùy hứng, mà là đều phải giải thích sâu thêm. Giữ là về trước: *Chủ nghĩa chân thực*. Đúng là nghe hơi lạ, nhưng không phải là tôi bịa ra, mà dịch từ thuật ngữ *Vérisme* vốn đã xuất hiện trong lịch sử mỹ học do L.Ca-pu-a-na đề xướng. Nhưng tôi cho rằng nó diễn đạt trúng vấn đề hơn. Còn *chủ nghĩa hiện thực* (*Réalisme*) không phải là sai, tuy nhiên từ *hiện thực* vốn chỉ đối tượng khách thể, cho nên không tránh khỏi xu hướng làm cho người ta thiên về việc phản ảnh thực tế bằng dạng thái của chính cuộc sống hiện thực, và như thế cũng tốt, nhưng là đơn thức, đơn dạng, vì hiện thực chỉ tồn tại một cách duy nhất. Còn *chân thực*, tuy là phải phản ảnh đúng hiện thực, nhưng là nằm trên bình diện nhận thức của chủ thể, mà mỗi người thậm chí một người trong những trường hợp khác nhau sẽ có thể biểu hiện khác nhau, nghĩa là chan chứa cái khả năng trở nên đa dạng, đa thức hơn.

Nhưng về *cách mạng*, mặc dù cũng không sai, thậm chí là tốt, nhưng nên thay đổi, bởi vì

như trên đã trình bày rằng, cách mạng thật ra cũng chỉ là biện pháp, mà mục đích là "dân giàu, nước mạnh". Vậy ta cứ "nắm đằng chuôi", bám lấy mục tiêu "dân bản" hiểu theo nghĩa toàn diện như đã giải thích ở trên để làm định hướng cơ bản. Và chẳng lẽ biện chứng của cuộc sống cho chúng ta thấy rõ: vì dân, vì nước không chỉ cần cách mạng, cải cách, mà có khi lại rất cần "ổn định". Bởi vì chưa kể chuyện nguy trang với động cơ tham lam vơ vét bên trong, mà có khi đầy thiện tâm, thiện ý, nhưng chưa được nghiêm cứu kỹ lưỡng thận trọng, thiếu luận chứng khoa học, không có phản biện xã hội, thì những cuộc cách mạng (hiểu theo nghĩa rộng bao gồm mọi cuộc cải cách) sẽ là tai họa. Cho nên, văn học không chỉ viết về chiến tranh, về khởi nghĩa, mà còn viết về đời thường nữa. Nhưng gọi là "ổn định" không có nghĩa là buông xuôi, trì trệ, và "đời thường" cũng có ước mơ và lý tưởng, nó luôn luôn áp ủ, manh nha sự vươn lên, cho nên không hề tách rời hoặc mâu thuẫn với sự chuẩn bị cho cách mạng, cải cách.

Tóm lại, đến nay tôi xin tạm dừng lại với thuật ngữ "*Chủ nghĩa chân thực dân bản*". Về đây ắt hẳn cũng mới chỉ là thêm một lần "bào trang dẫn ngọc" nữa mà thôi. Tuy nhiên, theo những sự giải thích ở trên, nó tránh được những hạn chế gò bó của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, bởi vì nó không hề độc tôn một phương thức khái quát, một thể loại nào, mà cũng không hề cào bằng giữa các loại hình nghệ thuật v.v.. Và do đó, vô hình trung lại có thể trở thành phương pháp chung của nghệ thuật. Dù chỉ nói riêng về văn học, thì mọi việc cũng khá rõ ràng rằng: Bất kỳ khuynh hướng nào có lợi cho dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc trong Tổ quốc Việt Nam và trên cơ sở đó, bất kỳ hình thức nghệ thuật nào tương ứng thích hợp, dù là khơi nguồn từ thần thoại, truyền thuyết đến "chủ nghĩa hậu hiện đại", kể cả "Sau hậu hiện đại" (*Beyond post-modernism*) đều tha hồ đơm hoa kết trái trong vườn hoa văn học nghệ thuật hiện đại Việt Nam. □

(2) Xem: Phương Lưu: "Về một nền lý luận văn học dân tộc và hiện đại". Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 12, 2004